

Số: 02 /2018/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP, ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC, ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 1831/TTr-UBND, ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính

trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Thời điểm áp dụng: Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 193/2010/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khoá XIV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Đại biểu QH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo, CV VP HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Muôn

QUY ĐỊNH

phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐND,
ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, tài sản của dự án sử dụng vốn Nhà nước, tài sản tại Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Việc quản lý, sử dụng đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách Nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại các đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh; tài sản công tại doanh nghiệp; đất đai; tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản và các tài nguyên khác do nhà nước quản lý thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Văn phòng huyện ủy, thành ủy, thị ủy;
4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
5. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Quy định quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (Trừ trường hợp quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 37, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ)

1. Mua sắm xe ô tô, phương tiện đi lại phục vụ công tác

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm xe ô tô, phương tiện đi lại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện theo quy định hiện hành của Pháp luật và hướng dẫn Bộ Tài chính.

2. Mua sắm tài sản công (ngoài quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, những tài sản thuộc danh mục tài sản mua sắm theo phương thức tập trung do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và các danh mục tài sản khác theo hướng dẫn của các Bộ, cơ quan Trung ương (nếu có).

a) Cấp tỉnh

- Tài sản mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tài sản mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các Sở, Ban, Ngành tỉnh: Thủ trưởng của các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định mua sắm tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

- Tài sản mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành tỉnh: Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định mua sắm trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

b) Cấp huyện

- Tài sản mua sắm có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án mua sắm, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh). Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tài sản mua sắm có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị các huyện, thị xã, thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

- Tài sản mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện quyết định mua sắm tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

c) Cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (Trừ trường hợp quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 38, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ)

1. Thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị thuê từ 200 triệu đồng đến 01 tỷ đồng/năm. Giá trị thuê trên 01 tỷ đồng/năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị thuê dưới 200 triệu đồng/năm: Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ dự toán ngân sách được giao để quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị thuê từ 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng/năm. Giá trị thuê trên 01 tỷ đồng/năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh”.

b) Tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị thuê đến dưới 100 triệu đồng/năm: Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công được giao quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố quản lý.

Riêng đất đai, tài sản nhà và vật kiến trúc gắn liền với đất tại địa điểm cũ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được đầu tư xây dựng mới tại địa điểm khác theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án xử lý, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định thu hồi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi những tài sản công thuộc cấp xã quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thu hồi những tài sản công thuộc các tổ, thôn, bản, khu dân cư do cấp xã quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản:

a) Xe ô tô, phương tiện đi lại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Trụ sở nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Các tài sản khác có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

d) Tài sản điều chuyển giữa các Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh có đơn vị trực thuộc điều chuyển tài sản trong nội bộ ngành có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc cấp huyện quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã điều chuyển tài sản của các tổ, thôn, bản, khu dân cư do cấp xã quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công (Trừ trường hợp tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô được hình thành từ nguồn Quỹ hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định, thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 50, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là:

a) Xe ô tô, phương tiện đi lại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Trụ sở nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản. Đối với tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định bán tài sản công có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, xã, có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công (Trừ trường hợp tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập không phải là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 51, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản:

a) Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Trụ sở nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Cấp huyện

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị các huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được giao quản lý.

4. Cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với các tài sản có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán đến 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản được giao quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy các tài sản theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Các tài sản thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản thuộc cấp huyện, xã quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định tiêu hủy các tài sản theo quy định của pháp luật có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy các tài sản thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, gồm:

a) Các tài sản thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Các tài sản thuộc cấp huyện, xã quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Mục 2

Quy định phân cấp quản lý tài sản

được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Điều 12. Thẩm quyền Quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản, gồm:

1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

2. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

4. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

5. Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ)

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản; điều chuyển tài sản cho các Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (Trừ các tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (Trừ các tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (Trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản; điều chuyển tài sản cho các Sở, Ban, Ngành, huyện, thị xã, thành phố đối với tài sản là nhà, đất, tài sản gắn liền với đất, xe ô tô; vàng, đá quý, kim loại quý có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên;

b) Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (Trừ các tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (Trừ các tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người thừa kế, hàng hóa tồn đọng trên địa bàn tỉnh (Trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ).



Lò Văn Muôn